|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG LỘC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM**

**(**Ngày 26 tháng 12 năm 2023)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:NGUYỄN THỊ OANH Ngày tháng năm sinh: 15/3/1989

- Chức vụ/chức danh công tác: Kế toán ngân sách xã

- Cơ quan/đơn vị công tác: Uỷ ban nhân dân xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Nơi thường trú: Xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 183728529

- Ngày cấp:19/12/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN NHƯ BÌNH Ngày tháng năm sinh: 27/7/1986

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Ích Hậu

- Nơi thường trú: Xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 183559809

- Ngày cấp:19/12/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN NHƯ KHÔI NGUYÊN Ngày tháng năm sinh: 10/01/2014

- Nơi thường trú: Xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

- Ngày cấp: nơi cấp:

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: NGUYỄN NGỌC TÚ ANH Ngày tháng năm sinh: 24/7/2017

- Nơi thường trú: thôn Thống Nhất, xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

- Ngày cấp: nơi cấp:

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH Ngày tháng năm sinh: 24/7/2017

- Nơi thường trú: thôn Thống Nhất, xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

- Ngày cấp: nơi cấp:

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Diện tích: 200 m2

- Giá trị: 350.000.000đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CQ 062456 Chồng Nguyễn Như Bình, vợ Nguyễn Thị Oanh

-Thông tin khác (nếu có)

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất: Không có

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:................................ Địa chỉ: .............................................................

- Diện tích: .........................................................................................................

- Giá trị: .............................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ...................................................................

- Thông tin khác (nếu có): ..................................................................................

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Ích Hậu, Huyện Lộc Hà, tinh Hà Tĩnh.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: 90m2

- Giá trị: 400.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có): ................................................................................

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất: Không có

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:........................................ Địa chỉ: ..........................................

- Loại công trình:.......................................... Cấp công trình: ..........................

- Diện tích: ........................................................................................................

- Giá trị: ...............................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ......................................................................

- Thông tin khác (nếu có): .................................................................................

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:.................................. Số lượng:........................... Giá trị: ................

- Loại cây:.................................. Số lượng:........................... Giá trị: ..................

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:................................ Diện tích:........................... Giá trị: …………

- Loại rừng:.................................Diện tích:.................……..Giá trị: …………

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:...................................Số lượng:..............................Giá trị: .................

- Tên gọi:...................................Số lượng:..............................Giá trị: .................

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:...........................Số lượng:............................... Giá trị:………. ....

- Tên cổ phiếu:...........................Số lượng:............................... Giá trị:………. .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..........................Số lượng:............................... Giá trị:……….. ...

- Tên trái phiếu:..........................Số lượng:............................... Giá trị:……….. ...

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:........................................................... Giá trị:.......................

- Hình thức góp vốn:......................................................... ..Giá trị:.....................

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: ............................................................ Giá trị:...................

- Tên giấy tờ có giá:............................................................. Giá trị:....................

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản:................................... Số đăng ký:................................ Giá trị: .....

- Tên tài sản:................................... Số đăng ký:................................ Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản:............................. Năm bắt đầu sở hữu:....................... Giá trị: …..

- Tên tài sản:........................... Năm bắt đầu sở hữu:....................... Giá trị: ……

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản: ....................................................., số tài khoản: ................

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .................

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28): 195.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 86.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 129.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: không

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)***(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....................................................*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại tài sản, thu nhập** | **Tăng (30)/giảm (31)** | | **Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập** |
| **Số lượng tài sản** | **Giá trị tài sản, thu nhập** |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất  1.1. Đất ở  1.2. Các loại đất khác  2. Nhà ở, công trình xây dựng  2.1. Nhà ở  2.2. Công trình xây dựng khác  3. Tài sản khác gắn liền với đất  3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất  3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên  5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.  6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):  6.1. Cổ phiếu  6.2. Trái phiếu  6.3. Vốn góp  6.4. Các loại giấy tờ có giá khác  7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:  7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).  7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).  8. Tài sản ở nước ngoài.  9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32). |  | +215.000.000đ | -Lương và phụ cấp của 2 vợ chồng năm 2023  - Thu nhập từ kinh doanh khác: 0 đồng |

|  |  |
| --- | --- |
| *Hồng Lộc, ngày 26 tháng 12 năm 2023*  **NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*  **Hà Thị Huyền Trang (đã ký)** | *Hồng Lộc, ngày 26 tháng 12 năm2023*  **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  **Nguyễn Thị Oanh (đã ký)** |